



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV.# _____
VEWL.# _____
I-171: Y N

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM hê Văn Liên
Last Middle First
Current Address: 20/B38 Cư xá Nguyễn Trung Trực, Đường 3 Tháng 2
Date of Birth: 07-22-1922 Place of Birth: Thừa Thiên Huế
Previous Occupation (before 1975) Tham vụ Chuyên môn, Phụ tá Giám đốc
(Rank & Position) Sở Nghiên cứu CT & XH (Seps)
2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 8/16/75 To 4/15/88
Years: 12 Months: 7 Days: 20
3. SPONSOR'S NAME: Hoàng Văn Ty Name
Address and Telephone Number
4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone Number

Relationship

Hoàng Văn Ty

God's son

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the GDP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : Lê Văn Hữu
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP PA.
Lê Thị Hiền	1930	Sister
Lê Thị Cúc	1935	Sister
Nguyễn Cẩm Hương	1964	Niece

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

259/69 Đường Tân Phước Phường 6
Quận 10 Thành Phố Hồ Chí Minh

6. ADDITIONAL INFORMATION :



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV.# _____
VENL.# _____
I-171: Y N

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM Lê Văn Phước
Last Middle First Q. 10
Current Address: 20/B38 Cũ xã Nguyễn Trung Trú Đ. 3 Thang 2
Date of Birth: 07-22-1922 Place of Birth: Thừa Thiên Huế
Previous Occupation (before 1975) Tham gia chuyên môn, Phụ tá Giám Đốc Sở Nghiệm
(Rank & Position) Cửu CT 9 xH (Sép)
2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 8/16/75 To 4/15/89
Years: 12 Months: 7 Days: 20
3. SPONSOR'S NAME: Hoàng Văn Tý
Name
Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
<u>Hoàng Văn Tý</u>	<u>God's Son</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : lê văn hân
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP PA.
lê thi liên	1930	Sister
lê thi cúc	1935	Sister
Nguyễn Cẩm Hồng	1964	Niece

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

259/69 Đường Tân Phước, Phường 6
Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh

6. ADDITIONAL INFORMATION :

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

NAME (Ten Tu-nhan) : LE VAN LUU
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)
DATE, PLACE OF BIRTH : 07 22 1922
(Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)
SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): ☒ Female (Nu): ☐
MARITAL STATUS Single (Doc than): ☒ Married (Co lap gia dinh): ☐
(Tinh trang gia dinh):
ADDRESS IN VIETNAM : 20/B28 Cu xá Nguyễn Trung Trực
(Dia chi tai Viet-Nam) Đường 3 Tháng 2, Phường 12 (tức 2) TP Hồ Chí Minh
POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) ☒ No (Khong) ☐
If Yes (Neu co): From (Tu): 8/16/75 To (Den): 4/15/88

PLACE OF RE-EDUCATION:
CAMP (Trai tu)

PROFESSION (Nghe nghiep): Tham Vụ Chuyên Môn, Phụ Tá (năm Ất Sửu) Nghiên Cứu CT & XH
(Sepes)
EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): Năm 1956, 2 Tháng tại Washington
VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): Phụ Tá Giám Thị Sĩ Nghiên Cứu CT & XH
VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): _____
Date (nam): _____

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): _____
IV Number (So ho so): _____
No (Khong): ☒

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): 3
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi tiep

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): 256/69 Đường Tân Phước, Phường
6, Quận 10 Thành Phố Hồ Chí Minh

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro):
Hoàng Văn Tý

U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (co): _____ No (Khong): _____

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): Bố Đỡ Dâu

NAME & SIGNATURE:

ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT

(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay)

DATE:

03/24/89

Nar

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : Lê Văn Lưu
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP PA.
Lê Thị Liễu	1930	Em Gái
Lê Thị Cúc	1935	Em Gái
Nguyễn Cẩm Hương	1964	Cháu Gái

DEPENDENT'S ADDRESS (if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

INTAKE FORM (Two Copies)
 MAU DON VE LY-LICH

NAME (Ten Tu-nhan) : kê văn lưu
 Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)
 DATE, PLACE OF BIRTH : 07 22 1922
 (Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)
 SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): ☒ Female (Nu): ☐
 MARITAL STATUS Single (Doc than): ☒ Married (Co lap gia dinh): ☐
 (Tinh trang gia dinh):
 ADDRESS IN VIETNAM : 20/B38 C2 xã Nguyễn Trung Trú
 (Dia chi tai Viet-Nam) Đường 3 Thang 2, Phường 12 (trúc 21) TP Hồ Chí Minh
 POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) ☒ No (Khong) ☐
 If Yes (Neu co): From (Tu): 8/16/75 To (Den): 4/15/88
 PLACE OF RE-EDUCATION: _____
 CAMP (Trai tu) _____
 PROFESSION (Nghe nghiep): Tham Vu Chuyên Môn, Phụ tá Giám Đốc Sở Nghiên Cứu CT & XH (Sgxs)
 EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): Năm 1956, 2 tháng, tại Washington
 VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): Phụ tá Giám Đốc Sở Nghiên Cứu CT & XH
 VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): _____ Date (nam): _____
 APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): _____
 IV Number (So ho so): _____
 No (Khong): ☒
 NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): 3
 (Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi ti
 MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): 256/69 Đường Tân Phước, Phường
6, Quận 10 Thành phố Hồ Chí Minh
 NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro):
Hoàng Văn Tý
 U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (co): _____ No (Khong): _____
 RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): Bố Đỡ Đầu
 NAME & SIGNATURE: _____
 ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT: _____
 (Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay)
 DATE: 03/24/89

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : Lê Văn Lưu
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP PA.
Lê Thị Liễu	1930	Em Gái
Lê Thị Cúc	1935	Em Gái
Nguyễn Cẩm Hương	1964	Cháu Gái

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTQ, ban hành theo công văn số 2565 ngày 27 tháng 11

Tên: Tên Hiệp

Số: 330 /HS

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

SHSLD

GIẤY RA TRẠI



Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ:

Thi hành án văn, quyết định thứ số 25/QĐ-PC.11 ngày 12 tháng 04 năm 1978
của Gia đình Quốc gia, Thành Phố Hồ Chí Minh

Nay cấp giấy thả cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh Lê Văn Lưu Sinh năm 19 02

Các tên gọi khác Lê Hồng Giang

Mục đích Thường trú

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt

38B Nguyễn Trung Trực - Phường 21 - Quận 10

Cán tội Tham gia tổ chức phản cách mạng

Bị bắt ngày 16/08/1975 An phạt 03 năm TTCT

Theo quyết định, án văn số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ của _____

Đã bị tống án _____ lần, cộng thành _____ năm _____ tháng _____

Đã được giảm án _____ lần, cộng thành _____ năm _____ tháng _____

Nay về cư trú tại 38B Nguyễn Trung Trực - Phường 21 - Quận 10

Nhận xét quá trình cải tạo

- Năm 1955 cũng 1 số phạm nhân trong trại đối xử sách

đọc học tập gần 13 năm.

- Nay thực về trại quản.

Đương sự phải trình diện tại UBND Phường, xã:

Trước ngày _____ tháng _____ năm 19 _____

Lưu tay ngôn trỏ phải

Cán: LÊ VĂN LƯU

Danh bìa số _____

Lập tại _____

Họ tên, chữ ký
người được cấp giấy

Quan liêu
Lê Văn Lưu

Ngày 1 tháng _____ năm 19 78

Trưởng trại

(Chữ ký, họ, tên, cấp bậc, chức vụ)



Thị trấn Phạm Thận

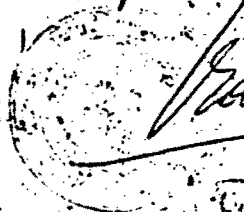
Xác nhận

- ông Lê Văn Lũn học tập cải tạo và
trình diện tại địa phương vào ngày
16 tháng 04 năm 1988.

ngày 16/04/1988.

T/M BCH CA, F12010

Phó




BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTĐ, ban hành theo công văn số 2563 ngày 27 tháng 11

Trại _____ Tập Huấn _____

Số 336 /HS

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

SUSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thi hành án văn, quyết định thứ số 5/QĐ-PC 11 ngày 12 tháng 04 năm 198

của Giám đốc Công an Thành Phố Hồ Chí Minh

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh Lê Văn Lưu Sinh năm 19 822

Các tên gọi khác Lê Hồng / Giảng

Nơi sinh Thuận Thành

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt

38B Nguyễn Trung Trực — Phường 21 — Quận 10

Cán tội Tham gia tổ chức phản cách mạng

Bị bắt ngày 16/02/1975 An phạt 03 năm TCT

Theo quyết định, án văn số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ của _____

Đã bị tăng án _____ lần, cộng thành _____ năm _____ tháng _____

Đã được giảm án _____ lần, cộng thành _____ năm _____ tháng _____

Nay về cư trú tại 38B Nguyễn Trung Trực — Phường 21 — Quận 10

Nhận xét quá trình cải tạo

- Năm 1985 cùng 1 số phạm nhân trong trại đối xử sách

địa học tập gần 13 năm.

- Này thực và tại quán.

Đương sự phải trình diện tại UBND Phường, số: _____

Trước ngày _____ tháng _____ năm 19 _____

Lưu tay ngôn tró phải

Cán _____ LÊ VĂN LƯU

Danh bìn số _____

Lập tại _____

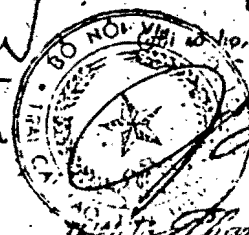
Họ tên, chữ ký
người được cấp giấy

Hoàng Lưu
Lê Văn Lưu

Ngày 1 tháng _____ năm 19 88

Trưởng trại

(Họ tên, chữ ký)



Thủ trưởng Phòng Quản lý

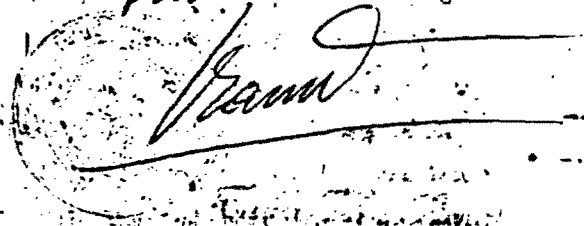
Xác nhận

- ông Lê Văn Lũn học tập tại lớp về
trình diễn tại địa phương vào ngày
16 tháng 04 năm 1988.

ngày 16/04/1988.

T. 14 BCHCA. F12510

Phó



THÔNG BÁO

V/v: Trả lời đơn khiếu nại của

Ông (bà) Đỗ Thị Liễu ở B-38

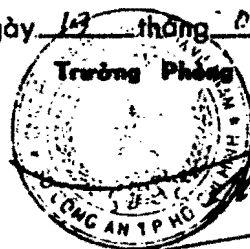
Khóm Nguyễn Hùng Trắc P. 21, Quận 10

Qua Công An Phường (xã) _____ chuyển đợt.

Nội dung giải quyết: Sở Công An đã nhận được đơn của bà
xin bảo lãnh anh Lê Văn Liễu, chúng tôi báo bà
biết: Liễu là phụ tá an ninh phủ Tổng Thống
(thời Diệm) cấp bậc Đại Tá. Sáu ngày 09/01/77
Miền Nam, Liễu đã thành lập tổ chức phản động
chống chính quyền CM. Liễu làm chủ tịch của tổ
chức. Trường hợp này do Bộ Nội Vụ quản lý. Việc
siêu xét thẩm do Bộ Nội Vụ xét quyết định.

Yêu cầu: _____

Ngày 17 tháng 01 năm 1978



NGO VĂN DẦN

—★—
Số 303 / NCTH/TB/77

THÔNG BÁO

V/v: Trả lời đơn khiếu nại của

Ông (bà) Lê Thị Liễu ở B-38

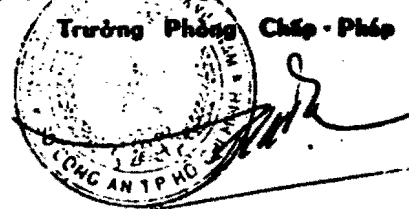
Khóm Nguyễn Hùng Trắc - P. 21 - Quận 10

Qua Công An Phường (xã) _____ chuyển đạt.

Nội dung giải quyết: Sở Công An đã nhận được đơn của bà
xin báo lãnh anh Lê Văn Liễu, chúng tôi báo bà
biết: Liễu là phụ tá an ninh phủ Tổng Thống
(thời Diệm) cấp bậc Đại Tá. Sáu ngày 01 giải U phóng
Miền Nam, Liễu đã thành lập tổ chức phản động
chống chính quyền CM. Liễu làm chủ tịch của tổ
chức. Trường hợp này do Bộ Nội Vụ quản lý. Việc
xem xét trả do Bộ Nội Vụ xét quyết định.

Yêu cầu: _____

Ngày 13 tháng 01 năm 1970



NGÔ VĂN DÂN

Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam
Quê hương - Tổ quốc - Hành trình

CHỨNG NHẬN

THẺ VÍ KHAI SINH

Kính gửi: Ủy Ban Nhân dân Xã Đông Hải
Phân Chi Hội ĐK / HTX Đông Hải

Họ và Tên: **LÊ VĂN LƯU**

Sinh ngày: 22-7-1932

Tên thật: Lê Văn Lưu / Tổng Lưu / Huyện Hoàng Mai / Tỉnh Thái Bình

Hiện cư quán: Thôn Đông Hải / Xã Đông Hải / Huyện Phú / Tỉnh T. Thái

Hiện cư thường trú: 21/B38 / Xã Đông Hải / Huyện Phú / Tỉnh T. Thái

Hiện cư tạm trú: 1/Thị trấn / Huyện Phú / Tỉnh T. Thái

Họ và Tên Cha: **LÊ VĂN LỊCH** (chết)

Họ và Tên Mẹ: **HOANG THỊ ANH** (chết)

Hiện cư quán: Thôn Đông Hải / Xã Đông Hải / Huyện Phú / Tỉnh T. Thái

- KHÂN CHỨNG -

1. Nguyễn Văn Mừng: Sinh ngày 1-3-1945 / Xã Đông Hải / Huyện Phú / Tỉnh T. Thái
Thường trú tại ĐK / HTX Đông Hải / Huyện Phú / Tỉnh T. Thái

Nguyễn Khai: Sinh ngày 19-7 / Xã Đông Hải / Huyện Phú / Tỉnh T. Thái
Thường trú tại ĐK / HTX Đông Hải / Huyện Phú / Tỉnh T. Thái

Mục đích: Để tư vấn và lý lịch hành chính

Lý do: Thất lạc giấy tờ về chứng minh

Kính xin Ủy Ban Nhân dân Xã Đông Hải và chính quyền địa phương xem xét cho tôi được hưởng quyền lợi xã hội theo quy định của pháp luật.

Nhân chứng thứ 3

Nguyễn Văn Mừng
ĐK

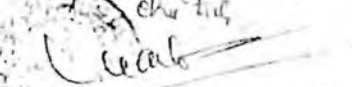
Nhân chứng thứ 2
ĐK

Nguyễn Khai

Ủy Ban Nhân dân Xã Đông Hải, Huyện Phú, BT
Xác nhận lại giấy khai sinh là người dân địa phương
chứng tỏ: /- Đông Hải, ngày 28/1/1998

Trưởng UBND Xã Đông Hải

Chữ ký



Nguyễn Văn Lưu

CHỨNG NI LẬU
-THỂ VĨ KHAI SINH-

-KHÂN CHỨNG-

1952
Kính Văn Ủy Ban Nhân Dân Xã Hồng Hải và chính
tr. phường xã thic cho tôi đi thăm duy
đó xã Hồng Hải Cam B.

Nguyễn Văn Hai

Ủy Ban hội dân xã Đông Hòa, Huyện Jê Phú, 84T
Lai nhơn Lai nhận nhận chứng thư là người đợc phân
chúng tôi. /- Đông Hòa, ngày 28/1/1988
Tư vấn xã Đông Hòa
Chuẩn

Kayli van Lee

திரு. ரமணி

[Signature]

অসমীয়া অসমীয়া

BỘ TƯ PHÁP

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

SỞ TƯ-Pháp

Tòa Sơ-Phẩm Huê

Chứng-chỉ Thê-vi khai sanh

Số 8237

của

LE-THI-LIỀU

Ngày 14.7.59

Năm một nghìn chín trăm năm mươi chín, tháng bảy
ngày 14 hồi 10 giờ.

Trước mặt chúng tôi là Nguyễn-huân-Thư
Chánh-án, Tòa Thẩm-Phán Tòa-Án Sơ-Phẩm Huê ngồi tại Văn-Phòng
có ông Trần-kiêm-Mai lục sự giúp việc.

Có ông, bà LE-THI-LIỀU 29 tuổi, nghề nghiệp
Nội-tro trú tại Domine de Marie Dalat
thẻ kiểm tra số 30B000894 ngày 18.7.55 do Nha Hành-
Chánh Dalat cấp, đến trình rằng hiện không thể xin trích lục
khai-sanh của LE-THI-LIỀU sanh ngày 6

tháng II năm 1930 tại làng Dương-Hoa
Thị-Ủy viên Thị-Phước-Trà tỉnh Thừa-Thiên-Hải được vì lý
Chiến tranh số B8 bị thất-lạc

nên yêu cầu Bản Tòa bằng vào lời khai của các nhân chứng có tên kê
sau, do y dẫn đến đề lập chứng-chỉ thay thế, chứng-thư họ-tịch nói trên.

LIÊN-CHỈ : NGƯỜI ĐÓ CÓ ĐẾN TRÌNH DIỆN :

10) Lê-xuân-Kỷ 40 tuổi, nghề Cảnh-Định
trú tại Đường Đá, Phước-cua
thẻ kiểm tra số 19A000346 ngày 19.5.55 do Quận Hương-Thị cấp

20) Ngô-huân-Tiến 30 tuổi, nghề Làm thuê
trú tại Đường Đá, Phước-cua
thẻ kiểm tra số 29A000475 ngày 20.5.55 do Quận Hương-Thị cấp

30) Lê-văn-Tân 22 tuổi, nghề Học-viên
trú tại Đường Đá, Phước-cua
thẻ kiểm tra số 37A000588 ngày 21.4.59 do Quận Hương-Thị cấp

Ba nhân chứng trên này sau khi đã tuyên thệ và nghe đọc điều 334.337
H.V. HÌNH-LUẬT phạt tội ngụy chứng về việc họ, đồng cam đoan quả
quyết biết chắc tên LE-THI-LIỀU

sanh ngày sáu tháng mười một
năm một ngàn chín trăm ba mươi
tại làng Dương-Hoa huyện Hương-Trà

tỉnh Thừa-Thiên con ông LE-VĂN-LICH (chết) và bà
HOÀNG-THỊ-HOÀ Hai ông, bà này đi chính trực lấy nhau

Những nhân chứng trên lại khai rằng hiện nay đương-sự không thể xin sao lục giấy khai sanh nói trên được vì lý Chiến tranh

số Bộ bị thất-lạc

Bởi vậy Bản Tòa bằng theo lời khai của các nhân chứng và chiếu điều 47-48 H. V. HỘ-LUẬT, lập chứng chỉ thế vì khai-sanh này cho

tên LE - THI - LIÊU sinh ngày sau
tháng mười một năm một ngàn chín trăm
ba mươi

tại làng Dương-Hoà huyện Hương-Trà tỉnh Thừa-Thiên
con ông LE - VĂN - LỊCH (chết) và bà HOÀNG - THI - HOA
đã cấp cho đương-sự theo như đơn xin.

Và các người chứng có ký tên với chúng tôi và ông lục-sự sau khi nghe đọc lại.

Lục-Sự,

Chánh-án,

Ký tên: TRẦN-KIỆM-MAI

Ký tên: NGUYỄN-HỮU-THỨ

Những người chứng,

Người đóng xin,

10) Ký tên: LE-XUAN-KỶ

Ký tên: LE-THI-LIÊU

20) Ký tên: NGO-HỮU-HIỆN

30) Ký tên: LE-VĂN-TAM

SAG-Y CHÁNH-ĐẢN
CHÁNH LỤC SỰ

Trước đây tại Huế
Ngày 17 tháng 7 năm 1969
Quận 33 số 413 4965
Thỏa 604
Chánh-án,

Phan Văn Đức

100/100 - 01 hán Sao 5\$



BỘ TƯ PHÁP

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

SỞ TƯ-PHÁP

TÒA SƠ-THẨM-HUẾ

Chứng-chỉ Thẻ-vì khai sanh

Số 1232

của LE-THI-LIỆU

Ngày 14.7.59

Năm một nghìn chín trăm năm mươi chín tháng bảy
ngày 14 hồi 10 giờ.

Trước mặt chúng tôi là Nguyễn-Mari-Thi
Chánh-án Tòa-Phán-Tòa-Án Sơ-Thẩm-Huế ngồi tại Văn-Phòng
có ông Trần-Kiên-Hải lục sự giúp việc.

Có ông, bà LE-THI-LIỆU 29 tuổi, nghề nghiệp
Nội-tro trú tại Domine de Marie Dalat
thẻ kiểm tra số 30B000894 ngày 18.7.55 do Nha Hành-
Chánh Dalat cấp, đến trình rằng hiện không thẻ xin trích lục
khai-sanh của LE-THI-LIỆU sanh ngày 6

tháng II năm 1930 tại làng Dương-Hoa
huyện Hương-Trà tỉnh Thừa-Thiên-Huế được coi là

Chiến tranh số Bộ bị thất-lạc

nên yêu cầu Bản Tòa bằng vào lời khai của các nhân chứng có tên kê
sau, do y dẫn đến đề lập chứng-chỉ thay thế, chứng-thư họ-tịch nói trên.

LIÊN-HE-THI : NGƯỜI LIÊN ĐÓ CÓ ĐẾN TRÌNH DIỆN:

- 1) Lê-xuân-Kỷ 40 tuổi, nghề Cảnh-Định
trú tại Đường Đá, Phước-quá
thẻ kiểm tra số 19A000346 ngày 19.9.55 do Quận Hương-Thủy cấp
- 2) Ngô-huê-Hiến 30 tuổi, nghề Làm thuố
trú tại Đường Đá, Phước-quá
thẻ kiểm tra số 29A000475 ngày 20.9.55 do Quận Hương-Thủy cấp
- 3) Lê-văn-Tâm 22 tuổi, nghề Học-sinh
trú tại Đường Đá, Phước-quá
thẻ kiểm tra số 37A000588 ngày 21.4.59 do Quận Hương-Thủy cấp

Ba nhân chứng trên này sau khi đã tuyên thẻ và nghe đọc điều 334-337
H.V. HÌNH-LUẬT phạt tội nguy chứng về việc bỏ, đồng cam đoan quả
quyết biết chắc tên LE-THI-LIỆU

sanh ngày sáu tháng mười một

năm một ngàn chín trăm ba mươi

tại làng Dương-hoa huyện Hương-Trà

tỉnh Thừa-Thiên con ông LE-VĂN-LỊCH (chết) và bà

HOÀNG-THI-HOÀ

Hai ông, bà này đã chính thức lấy nhau

Những nhân chứng trên lại khai rằng hiện nay đương-sự không thể xin sao lục giấy khai sanh nói trên được vì lý Chiến tranh

Sở Bộ bị thất-lạc

Bởi vậy Bản Tòa bằng theo lời khai của các nhân chứng và chiếu điều 47-48 H. V. HỢP-LUẬT, lập chứng chỉ thế vì khai-sanh này cho tên LIỄU - THI - LIỄU sanh ngày sáu tháng mười một năm một ngàn chín trăm ba mươi

tại làng Dương-Hoà huyện Hương-Trà tỉnh Thừa-Thiên con ông LIỄU - VĂN - LỊCH (chết) và bà HOÀNG - THI - HÒA để cấp cho đương-sự theo như đơn xin.

Và các người chứng có ký tên với chúng tôi và ông lục-sự sau khi nghe đọc lại.

Lục-sự,

Chánh-ám,

Ký tên: TRẦN-KIỆM-MAI

Ký tên: NGUYỄN-HỮU-THỨ

Những người chứng,

Người đứng xin,

10) Ký tên: LIỄU-XUÂN-KỶ

Ký tên: LIỄU-THI-LIỄU

20) Ký tên: NGO-HỮU-HIỆN

30) Ký tên: LIỄU-VĂN-TÂM

SAO-Y CHÁNH BÀN
CHÁNH LỤC SỰ

Trước bạ tại Huế
Ngày 14 tháng 7 năm 1959
Quyển 33 tờ 41 số 6965
Thỏa 60
Chả sự,

Phan. Văn. Đức



10 phi một lộn Sao 5

Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc -

CHỨNG-NHẬN

- THẺ VÍ : KHAI - SINH -

Kính gửi : Ủy Ban Nhân dân Xã Dương Hải
Đầu chủ này được 2/10/1935 được 1/10/1935

Họ và tên : **LÊ THỊ CHU**

Sinh ngày : 2-5-1935

Quê hương : Xã Dương Hải / Tổng Lương Hòa / Huyện Hoàng Hoa Thám / Tỉnh Thừa Thiên Huế

Nguyên quán : Xã Dương Hải / xã Dương Hải / Huyện Hoàng Hoa Thám / Tỉnh Thừa Thiên Huế

Đầu chủ T. trư : 20/B 1/10/1935, ngày 3 tháng 10/1935 T. trư chủ M. trư

Nghề nghiệp hiện tại : Hộ T. trư

Họ và tên cha : **LÊ VĂN LỊCH** (chết)

Họ và tên mẹ : **HOANG KHU HOA** (chết)

Nguyên quán : Xã Dương Hải / xã Dương Hải / Huyện Hoàng Hoa Thám / Tỉnh Thừa Thiên Huế

NHÂN-CHỨNG-

1. Nguyễn Văn Mạnh : Sinh ngày 1-3-1915 Tại xã Dương Hải / huyện Hoàng Hoa Thám / tỉnh Thừa Thiên Huế
Thường trú tại xã Dương Hải / huyện Hoàng Hoa Thám / tỉnh Thừa Thiên Huế

2. Nguyễn Khai : Sinh ngày 1907 Tại xã Dương Hải / huyện Hoàng Hoa Thám / tỉnh Thừa Thiên Huế
Thường trú tại xã Dương Hải / huyện Hoàng Hoa Thám / tỉnh Thừa Thiên Huế

Mục đích : Bổ túc số lý lịch hành chính

Lý do : Xuất sắc giấy tờ và chứng minh.

Kính xin Ủy Ban Nhân dân Xã Dương Hải và chính quyền địa phương xác thực cho Tòa án tiếp nhận
Trân trọng cảm ơn.

- Nhân chứng thứ 1

(1/10/1935)

Nguyễn Văn Mạnh

- Nhân chứng thứ 2

(1/10/1935)

Nguyễn Khai

Ủy Ban nhân dân Xã Dương Hải, huyện Hoàng Hoa Thám, tỉnh Thừa Thiên Huế
Xác nhận Hai người nhà chứng thực là người đứng đầu chủ T. trư.
Đầu chủ T. trư, ngày 28/10/1935
T. trư / UBND Xã Dương Hải
Chữ ký

(Chữ ký)

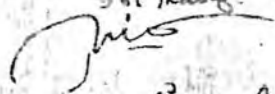
Nguyễn Văn Mạnh

BCH/HCT nhận được thông tin
đến từ các đồng chí của Ban Thường
vụ quân sự ở Huyện Định Hóa, và Ban
thường vụ Huyện Phố, Bình Tây Tỉnh
Lâm Đồng và Ban An ninh thành phố
Vũng Tàu - gửi về Ban An ninh

Đã tiếp nhận 17/10/1978

TM/BCH/HCT

Đ. Lê Trường



Nguyễn Văn Khoa

Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc -

CHỨNG-NHẬN

-THẺ VÍ: KHAI-SINH-

Kính gửi: Ủy Ban Nhân Dân Xã Đông Hải
Bản chủ này được 2/10/1977 được Hội

Họ và tên: **LÊ THỊ CHU**
Sinh ngày: 2-5-1935

Đã làm công nhân/Tổng Long 11/11/1977 tại Thủ Thiêm
Nguyễn quán: Lê Thị Dung/Hai Đông Hải/Hướng phà/Bình T. Thiêm
Số căn T. Trú: 20/B-18, trong Mảng 3 hàng 2/10 T.2 và căn Mảng
phần nghiệp của tôi: Hết rồi
Họ và tên cha: **LÊ VĂN LỊCH** (chết)
Họ và tên mẹ: **ĐANG KHI HAI** (chết)
Nguyễn quán: **Tên Đông Hải/Và Đông Hải/Hướng phà/Bình T. Thiêm**

-NHÂN-CHỨNG-

1. Nguyễn Văn Hùng: Sinh ngày 1-3-1915 tại Đông Hải/Hướng
phà/Bình T. Thiêm.
Thường trú: tại 2/10/1977 Đông Hải/H. phà/B.T. Thiêm

2. Nguyễn Khai: Sinh ngày 1917 tại Đông Hải/Hướng phà
Bình T. Thiêm.
Thường trú: tại 2/10/1977 Đông Hải/H. phà/B.T. Thiêm

Mục đích: Bộ-tư số lý lịch hành chính
Lý do: Chất lạc giấy tờ về Chuẩn-trình.

Kính xin Ủy Ban Nhân Dân Xã Đông Hải và chính
quyền địa phương xác thực cho tôi từ tiền dụng
tư liệu Thành Thát Cam Bơ.

Nhân chứng thứ 1

Nguyễn Văn Hùng

Nhân chứng thứ 2

Nguyễn Khai

Số Ban Nhân Dân Xã Đông Hải/Hướng phà/Bình T. Thiêm
Xác nhận tại người nhà chứng thực, ngày 28/10/1977
chứng thực: **Đông Hải, ngày 28/10/1977**
Tai/BBND Xã Đông Hải
Chữ ký

Chữ ký

Nguyễn Văn Hùng

[illegible]

TM/8CH/0012

561 Rolling

Price

ကဏ္ဍလုံး - အစုစု

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
ĐÔ-THÀNH SAIGON

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Quận: Đống
PHƯỜNG 1

Lập ngày 4 tháng 7 năm 19 64

Số hiệu: 2804

Tên họ đứa trẻ.	<u>Nguyễn-Cẩn-Hương</u>
Con trai hay con gái. .	<u>Nữ</u>
Ngày sanh.	<u>Hai mươi chín, tháng sáu, năm một nghìn chín trăm sáu mươi bốn, 23 giờ 30</u>
Nơi sanh.	<u>Saigon, 65 Đinh công Trạng</u>
Tên họ người cha. . .	<u>Nguyễn-Bắc-Nhan</u>
Tên họ người mẹ. . .	<u>Lê-thị-Cẩn-Quý</u>
Vợ chánh hay không có hôn-thú.	<u>Vợ chánh</u>
Tên họ người đứng khai.	<u>Đương liên Huê</u>



TRÍCH-LỤC Y BẢN-CHÍNH

Saigon, ngày 2 tháng 12 năm 19 74

Viên-Chức Hộ-Tịch,

QUẢN-TRỊ

1974

CHUYÊN-TRỊ-TRƯỞNG

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
ĐÔ-THÀNH SAIGON

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Quận: Đống

Lập ngày 4 tháng 7 năm 19 64

PHƯỜNG 1

Số hiệu: 2804

Tên họ đứa trẻ.	<u>Nguyễn-Cẩn-Hương</u>
Con trai hay con gái. . .	<u>Nữ</u>
Ngày sanh.	<u>Hai mươi chín, tháng sáu, năm một nghìn</u> <u>chín trăm sáu mươi bốn, 23 giờ 30</u>
Nơi sanh.	<u>Saigon, 65 Đinh công Trạng</u>
Tên họ người cha.	<u>Nguyễn-Bá-Nhân</u>
Tên họ người mẹ.	<u>Lê-thị-Cẩn-Giữ</u>
Vợ chánh hay không có hôn-thú.	<u>Vợ chánh</u>
Tên họ người đứng khai.	<u>Đương liên Huội</u>



TRÍCH-LỤC Y BẢN-CHÍNH

Saigon, ngày 2 tháng 12 năm 19 74

Viên-Chức Hộ-Tịch,

QUẬN-NHẤT

1974

10b

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS

A. BASIC IDENTIFICATION DATA

1. Name *Lê văn Lưu*
 2. Other name *Hoàng ngọc Diệp ; Lê hồng Giang*
 3. Date/Place of birth *22 - 7 - 1932 / Thừa Thiên, Huế*
 4. Residence address *20/B38, cư xá Nguyễn Trung Trực, đường 3 tháng 2, Phường 12 (tức 21)*
 5. Mailing address *256/69 đường Tân Phước, phố 6, quận 10, T.p. HCM. Quận 10. T.P. HCM.*
 6. Current occupation *Không có việc làm.*

B. RELATIVES TO ACCOMPANY ME.

Note: Your spouse and unmarried children are the only relatives to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorce (D), Widowed (W) or Single (S).)

Name	Date/Place of birth	Sex	MS	Relationship
<i>Lê thị Liễu</i>	<i>1930 Thừa Thiên, Huế</i>	<i>Nữ</i>	<i>Hết thân</i>	<i>em ruột</i>
<i>Lê thị Cúc</i>	<i>1935 Thừa Thiên, Huế</i>	<i>Nữ</i>	<i>Hết thân</i>	<i>em ruột</i>
<i>Nguyễn Văn Hoàng, 1964</i>	<i>Saigon</i>	<i>Nữ</i>	<i>Hết thân</i>	<i>cháu ruột</i>

Note. For the persons listed above, we will need eligible copies of birth certificates (if married), divorce decrees (if divorced), spouse's death certificates (if widowed), identification card (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in section I below.

RELATIVES OUTSIDE VIETNAM.

1. Closest relative in the U.S. *Không có.*
 2. Closest relative in the other foreign countries *Không có.*

D. COMPLETE FAMILY LISTING (Living/Dead)

Name	Address
1. Father <i>Lê văn Lịch (chết)</i>	
2. Mother <i>Hoàng thị Thôn (chết)</i>	
3. Spouse <i>Không có.</i>	
4. Former spouse (if any) <i>Không có.</i>	
5. Children <i>Không có.</i>	

6. Sibling: *Lê văn Quang, lính mìn công Redemptoristes, anh ruột (chết)*
- Lê thị Liễu, 1930, hết thân, sống.
- Lê thị Cúc, 1935, hết thân, sống.
- Lê thị Văn Bình, 1938 (sống) có chồng là Nguyễn Văn Nhân Trung tá Phó binh RVNAF đã bị bắt

E. EMPLOYMENT BY US GOVERNMENT AGENCIES OR OTHER USS ORGANIZATIONS OF YOU OR YOUR SPOUSE. Không có.

F. SERVICE WITH GVN OR RVNAF BY YOU OR YOUR SPOUSE.

1. Name of person serving *Lê văn Lưu*
 2. Date: From... *1955...* to *1963*
 3. Last rank *Chanh vụ chuyên môn, làm Phụ tá Giám đốc Sở Nghiên Cứu CT & XH (SEPES)*
 4. Ministry/Office/Military Unit *Phủ Tổng Thống (thời Ngô Đình Diệm)*
 5. Name of supervisor/C.O. *Đức sỹ Trần Kim Huyền, Giám đốc SEPES.*
 6. Reason for leaving *Đi Nhật Công Thừa có chung.*
 7. Name of American advisor *Khuyến khích thuộc Tòa Đại sứ Mỹ, như các ông: J. Anderson, R. Harris, P. Potter, J. Bucknall,*
 8. US training courses in Vietnam *Anderson, R. Harris, P. Potter, J. Bucknall,*
 9. US awards or certificates *Capt. Shurz, Lurko, D. Loggerson v.v...*

Note: Please attach any copies of diplomas, Awards or Certificates if available.

G. TRAINING OUTSIDE VIETNAM OF YOU OR YOUR SPOUSE

1. Name of student/Trainee Năm 1956, tôi được Tổng Thống chỉ định làm Đại-
2. School and school address diên sĩ SE PES qua Washington, diện sĩ bảo trợ của
3. Date Chính phủ Mỹ, để tham quan, nghiên cứu về giải trí
4. Description of courses được huấn luyện. Tôi ở tại Hotel Dupont Plaza (Washington)
trong thời gian khoảng hai tháng. Tôi đã được huấn
lì tham quan những địa quan Hong và gặp, không
thần nhất một số nhân vật, như ông Ellen Chang
hơn...
5. Who paid for training? Chính phủ Mỹ -

Note: Please attach copies of diplomas or orders, if available.

H. REEDUCATION OF YOU OR YOUR SPOUSE

1. Name of person in reeducation Lê Văn Lưu
2. Total time in reeducation 12..years. 7 months 20..days
(from 16/8/1975 to 15/4/1988)
3. Still in reeducation Không -
(if released, we must have a copy of your release certificate)

I. ANY ADDITIONAL REMARKS: Tôi độc thân - Hai em gái tôi (Lê Thị Liên,
Lê Thị Cúc, đều là độc thân) đã lo lắng thăm nuôi tôi suốt thời gian
tôi bị giam ở các trại Cải tạo. Nguyễn Cẩm Hoàng (là cháu ruột)
mà tôi coi như con cũng tích cực nuôi dưỡng tôi - Nguyễn Cẩm Hoàng
sinh năm 1964 là con gái của Lê Thị Cẩm Dung (em ruột tôi) và Nguyễn
Bà Nhân (Trung tá), đã bị bắt ở cải tạo và đã chết vì bệnh lao.
Tôi thành khẩn yêu cầu các ông chiến sĩ đến 2 em gái tôi và cháu tôi
đều được định cư tại Mỹ. Khi cả ba đứa không cùng đi một lần với tôi,
yêu cầu cho cháu Hoàng đi theo tôi để giúp đỡ tôi, gia cả, bệnh học tập Data.

J. PLEASE LIST HERE ALL DOCUMENTS ATTACHED TO THIS QUESTIONNAIRE:

- 01 photocopia giấy ra trại số 330/Hs do Trưởng Trại Cải tạo
Bến Hiệp ký ngày 13/4/1988.
- 01 (một) photocopia giấy thông báo số 203 của Phòng Chấp pháp
(Sở Công an) về tình trạng của Lê Văn Lưu
- 01 ảnh của Lê Văn Lưu
- 01 giấy khai sinh của cháu Nguyễn Cẩm Hoàng.

SIGNATURE

DATE:

26/10/1988

Lê Văn Lưu



QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS

A. BASIC IDENTIFICATION DATA

1. Name *Lê văn Lưu*
2. Other name *Hoàng ngọc Diệp ; Lê hồng Giang*
3. Date/Place of birth *22 - 7 - 1922 / Chùa Chiền, Huế*
4. Residence address *20/B38, cư xá Nguyễn Trung Trực, đường 3 tháng 2, Phường 12 (kê 21)*
5. Mailing address *256/69 đ. Tân Phước, ph. 6, quận 10, TP. HCM. Quận 10. TP. HCM.*
6. Current occupation *Không có việc làm.*

B. RELATIVES TO ACCOMPANY ME.

Note: Your spouse and unmarried children are the only relatives to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorce (D), Widowed (W) or Single (S).

Name	Date/Place of birth	Sex	MS	Relationship
<i>Lê thị Liễu</i>	<i>1930 Chùa Chiền, Huế</i>	<i>Nữ</i>	<i>Hào thân</i>	<i>em ruột</i>
<i>Lê thị Cúc</i>	<i>1935 Chùa Chiền, Huế</i>	<i>Nữ</i>	<i>Hào thân</i>	<i>em ruột</i>
<i>Nguyễn. cầm Hồng, 1964</i>	<i>Saigon</i>	<i>Nữ</i>	<i>Hào thân</i>	<i>cháu ruột</i>

Note: For the persons listed above, we will need eligible copies of birth certificates (if married), divorce decrees (if divorced), spouse's death certificates (if widowed), identification card (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in section I below.

RELATIVES OUTSIDE VIETNAM.

1. Closest relative in the U.S. *Không có -*
2. Closest relative in the other foreign countries *Không có -*

D. COMPLETE FAMILY LISTING (Living/Dead)

Name	Address
1. Father <i>Lê văn Lịch (chết)</i>	
2. Mother <i>Hoàng thị Hòa (chết)</i>	
3. Spouse <i>Không có.</i>	
4. Former spouse (if any) <i>Không có.</i>	
5. Children <i>Không có.</i>	

6. Sibling: *Lê văn Quang, lính mục đồng Redemptoristes, anh ruột (chết)*
- Lê thị Liễu, 1930, Hào thân, sống.
- Lê thị Cúc, 1935, Hào thân, sống.
- Lê thị. Cầm Hồng, 1938 (sống) có chồng là Nguyễn bá Nhân Trung tá Pháo binh RVNAF đã bị bắt

E. EMPLOYMENT BY US GOVERNMENT AGENCIES OR OTHER USS ORGANIZATIONS OF YOU OR YOUR SPOUSE. Không có.

F. SERVICE WITH GVN OR RVNAF BY YOU OR YOUR SPOUSE.

1. Name of person serving *Lê văn Lưu*
2. Date: From... *1955...* to *1963*
3. Last rank *Chanh vụ chuyên môn, làm Phó tá Giám đốc Sở Nghiên Cứu CT. SXH (SEPES)*
4. Ministry/Office/Military Unit *Phủ Tổng Thống (Thời Ngô Đình Diệm)*
5. Name of supervisor/C.O. *Bác sỹ Trần kim Huyền, Giám đốc SEPES.*
6. Reason for leaving *Đi Nhật Công Hòa có chung.*
7. Name of American advisor *Nhiều người thuộc Tòa Đại Sứ Mỹ, như các ông: J. Anderson, R. Nakao, P. Potter, J. Bucknall,*
8. US training courses in Vietnam *Anderson, R. Nakao, P. Potter, J. Bucknall,*
9. US awards or certificates *Capt. Sherry, Curko, D. Longbottom v.v...*

Note: Please attach any copies of diplomas, Awards or Certificates if available.

G. TRAINING OUTSIDE VIETNAM OF YOU OR YOUR SPOUSE

1. Name of student/Trainee Năm 1956, tôi được Tổng Thống chỉ định làm Đại-
2. School and school address diên Sĩ SEPEES qua Washington, diên Sĩ bảo trợ của
3. Date Chính phủ Mỹ, để tham quan, nghiên cứu và giải tội
4. Description of courses diên huấn luyện. Tôi ở tại Hotel Dupont Plaza (Washington)
trong thời gian khoảng hai tháng. Tôi đã được hỏi
đi tham quan những địa quan Hong và gặp những
thân mật một số nhân vật, như ông Ellen chẳng
hạn...
5. Who paid for training? Chính phủ Mỹ -

Note: Please attach copies of diplomas or orders, if available.

H. REEDUCATION OF YOU OR YOUR SPOUSE

1. Name of person in reeducation Lê Văn Lưu
2. Total time in reeducation 12..years. 7 months 20 days
(from 16/8/1975 to 15/4/1988)
3. Still in reeducation Không -
(if released, we must have a copy of your release certificate)

I. ANY ADDITIONAL REMARKS: Tôi học thân - Hai em gái tôi (Lê Thị Liên,
Lê Thị Cúc, đều là học thân) đã bỏ làng thăm nuôi tôi suốt thời gian
tôi bị giam ở các trại Cải tạo. Nguyễn cầm Hoàng (là cháu ruột)
mà tôi coi như con cũng tích cực nuôi nấng tôi - Nguyễn cầm Hoàng
sinh năm 1964 là con gái của Lê Thị Cẩm Bình (em ruột tôi) và Nguyễn
bà Nhân (Trung tá), đã bị bắt ở cải tạo và đã chết vì bệnh lao.
Tôi thành khẩn yêu cầu các ông chiến sĩ đến 2 em gái tôi và cháu tôi
đều được định cư tại Mỹ. Khi cả ba đứa không cùng đi một lần nữa, tôi
yêu cầu cho cháu Hoàng đi theo tôi để giúp đỡ tôi, già cả, bệnh hoạn xin Data.

J. PLEASE LIST HERE ALL DOCUMENTS ATTACHED TO THIS QUESTIONNAIRE:

- 01 photocopie giấy ra trại số 330/Hs do Trưởng Trại Cải tạo
Bến Hiệp ký ngày 13/4/1988.
- 01 (một) photocopie giấy thông báo số 203 của Phòng Chấp pháp
(Sở Công an) về tình trạng của Lê Văn Lưu
- 01 ảnh của Lê Văn Lưu
- 01 giấy khai sinh của cháu Nguyễn cầm Hoàng.



SIGNATURE

Lê Văn Lưu

DATE:

26/10/1988



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: _____

IV#: _____
VEWL.#: _____
I-171#: Y NO
EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM Lê Van Luân
Last Middle First
Lê Hồng Giảng
Current Address: 38B Nguyễn Trung Trực P. 21. Q. 10 HCM
Date of Birth: 1922 Place of Birth: _____
Previous Occupation (before 1975) Anti. Communist
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 08/16/75 To 08/12/88
Years: 13 Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: Hoàng Văn Ty
Name

Address and Telephone Number _____

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) :

(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTU, ban hành theo công văn số 265 ngày 27 tháng 11

Trại: Tập Hiệp

Số 330 /HS

--	--	--	--	--	--	--	--

SUSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ:

Thi hành án văn, quyết định thả số 5/QĐ-PC 11 ngày 12 tháng 04 năm 1978
của Giam Đốc Công an Tỉnh Phố Hồ Chí Minh

Nay cấp giấy thả cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh Lê Văn Lưu Sinh năm 19 02

Các tên gọi khác Lê Hồng Giang

Một mình Thị Thiệu

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt

38B Nguyễn Trung Trực - Phường 21 - Quận 10

Cán tội Tham gia tổ chức phản cách mạng

Bị bắt ngày 16/08/1975 Án phạt 03 năm TTCT

Theo quyết định, án văn số ngày tháng năm của

Đã bị tống án lần, cộng thành năm tháng

Đã được giảm án lần, cộng thành năm tháng

Nay về cư trú tại 38B Nguyễn trung trực - Phường 21 - Quận 10

Nhận xét quá trình cải tạo

- Năm 1965 cùng 1 số phạm nhân trong trại đòi ăn sách

đã học tập gần 13 năm.

- Nay thực và trại quản.

Đương sự phải trình diện tại UBND Phường, xã:

Trước ngày tháng năm 19

Lưu tay ngôn trách nhiệm

Cá: LÊ VĂN LƯU

Danh bìa số

Lập tại

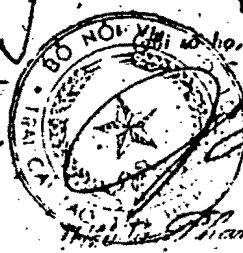
Họ tên, chữ ký
người được cấp giấy

Lê Văn Lưu

Ngày 1 tháng năm 19 78

Trưởng trại

 (Chữ ký, họ, tên, cấp bậc, chức vụ)



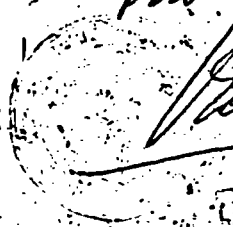
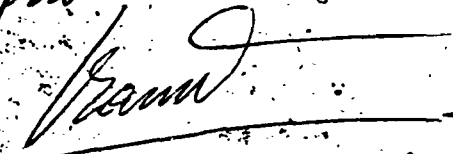
Xác nhận

- Ông Lê Văn Lũn học tập tại Học viện
Trình diễn tại địa phương vào ngày
16 tháng 04 năm 1988.

ngày 16/04/1988.

T/14 BCHA/F12510

Phó

Giấy tờ của Ông Lê Văn Lũn

Con Ông Lê Văn Lich

Vợ Bà Hoàng Thị Hòa

Worcester ngày . 31 - Tháng 10 - năm 1988

Kính gửi Bà Khuê - Minh - Thố

P.O. Box, 5435

Arlington VA. 22205-0695

Kính Thưa Bà

Tôi Hoàng Văn - Tý, Hiền ngoại Tý

, Điện Thoại

1471

U

Xin trân trọng kính xin Bà, Cam Thiệp với chính
Phủ Hoa - Kỳ, cho người của Thiêng - Liêng của tôi Lê Ông
Lê Văn - Khuê được sang Hoa Kỳ với Gia đình tôi

Tôi xin kính gửi Bà Bản Sao giấy được Công - Sản
Tha sau gần 13 năm tù

Kính xin Bà cho tôi được biết, tôi còn thiếu
những giấy tờ gì, tôi sẽ kính gửi Bà sau

Tôi xin kính chúc Bà, Công Bình Quyền được
Vạn sự như ý

Kính xin



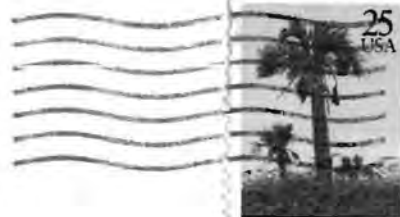
Hoàng Văn - Tý





4

MR. & MRS. TY VAN HOANG



May 23, 1788

South Carolina

Mrs. Khúc Minh Thô

PO Box 5435

Arlington, VA 22205-0695

CONTROL

☐ Card
☒ Doc. Request; Form 01-20-74
☐ Release Order
☐ Computer
☐ Form "D"
☐ ODP/Date _____
☐ Membership; Letter